

KĨ NĂNG DIỄN ĐẠT NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

ThS. NGUYỄN MAI HƯƠNG*

1. Kĩ năng (KN) diễn đạt ngôn ngữ (ĐĐNN) của sinh viên sư phạm (SVSP)

1) **Khái niệm KN ĐĐNN của SVSP.** Ngôn ngữ (NN) được coi là công cụ sống còn của người giáo viên; cách thể hiện NN mạch lạc, cô đọng và giàu hình ảnh sẽ khơi gợi hứng thú học tập ở học sinh. Trong hoạt động nhóm, KN này vừa là điều kiện vừa là kết quả của KN học tập theo tín chỉ của SVSP. Diễn đạt (ĐĐ) nội dung khoa học bằng NN hợp lí là mức độ cao của tri thức. KN ĐĐNN nhằm hướng tới các mục đích sau: - Giúp người nghe hiểu vấn đề trong một chỉnh thể, hệ thống, logic nhất định; - Có thể dùng biện pháp này để kiểm tra chất lượng thông hiểu tài liệu giáo khoa; - Rèn luyện khả năng truyền đạt NN tới học sinh phục vụ công tác thực tập, kiến tập và giảng dạy ở các trường phổ thông; - Vận dụng các biện pháp ĐĐ nội dung để tổ chức cho học sinh lĩnh hội kiến thức một cách nhanh chóng và trọn vẹn một vấn đề, hiểu vấn đề trong một chỉnh thể, hệ thống.

Hoạt động học tập theo học chế tín chỉ của SVSP là hoạt động tích lũy số lượng tín chỉ đảm bảo cho một nghề - nghề sư phạm, trong đó NN là phương tiện chủ yếu để truyền đạt những nội dung tri thức cần thiết cho học sinh. Nói cách khác, nghề sư phạm đòi hỏi khi học, sinh viên (SV) phải phát triển KN ĐĐNN. Ngoài những KN cần thiết trong hoạt động học tập theo tín chỉ (như: lập kế hoạch tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định; tích lũy tín chỉ đã lựa chọn; hợp tác hoàn thiện tín chỉ cần tích lũy; thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra các tín chỉ đã tích lũy nhằm đảm bảo hoàn thành đủ số lượng tín chỉ cho nghề sư phạm và khi cần thiết tích lũy thêm một số tín chỉ phù hợp để chuyển sang nghề gần khác) thì KN ĐĐNN là cấu thành quan trọng không thể thiếu trong KN học tập theo học chế tín chỉ của SV.

Bên cạnh đó, hoạt động học tập theo tín chỉ của SVSP luôn đề cao tính hợp tác và tinh thần làm việc

nhóm trong học tập nên việc rèn luyện các KN trình bày ý kiến cá nhân, thuyết trình một vấn đề trước tập thể, đặt câu hỏi, biết lắng nghe, ĐĐNN biểu cảm... là hết sức cần thiết. Trong quá trình học, SV luôn phải trau dồi KN ĐĐ để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong các môn phương pháp giảng dạy môn học, quá trình tập giảng trên lớp, quy trình xử lí tình huống sư phạm, giao tiếp sư phạm... (là những nội dung quan trọng trong chương trình học tập theo tín chỉ tại nhà trường sư phạm); do đó, SV cần được trang bị các KN cơ bản như: ĐĐ lưu loát trôi chảy, KN đặt câu hỏi, KN sử dụng ngữ điệu, nhịp điệu khi trình bày, KN sử dụng phương tiện giao tiếp phi NN, sử dụng các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ thuyết trình...

Như vậy, KN ĐĐNN của SVSP đó chính là sự vận dụng tri thức và kinh nghiệm đã có của SV vào thực hiện đầy đủ, thuần thục và linh hoạt các hành động như: lập đề cương chi tiết nội dung cần ĐĐ, tổ chức thực hiện các nội dung và hình thức ĐĐNN nhằm chuẩn bị hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên tương lai.

2) Đặc điểm KN ĐĐNN của SVSP

a) **Tính đầy đủ.** Muốn có KN, chủ thể phải hiểu được tri thức, kinh nghiệm về hành động - hoạt động. Sự hiểu biết, tri thức những kinh nghiệm hành động - hoạt động đã có biểu hiện ở chỗ cá nhân thực hiện hành động - hoạt động đúng hay sai, đầy đủ hay không đầy đủ. Đây không chỉ là tri thức về các sự kiện mà còn là tri thức về phương pháp giải quyết các nhiệm vụ lí luận và thực tiễn, tri thức về mục đích hành động, các điều kiện và phương tiện đạt được mục đích, từng giai đoạn và các thao tác chính xác của hành động... Vì vậy, muốn có KN ĐĐNN, trước tiên người học phải có tri thức về ĐĐNN: mục đích, yêu cầu, cách thức ĐĐ, các biện pháp ĐĐ hiệu quả đối với người nghe, những phương tiện cần thiết trong ĐĐNN...

* Trường Đại học sư phạm nghệ thuật Trung ương

Tính đầy đủ trong KN ĐĐNN biểu hiện ở việc chủ thể thực hiện hành động ĐĐ mắc lỗi hay không mắc lỗi, cũng như mức độ mắc lỗi ít hay mắc lỗi nhiều trong quá trình thực hiện các thao tác ĐĐ như về chính tả, phát âm, ngữ điệu, tốc độ, âm lượng...

b) *Tính thuần thực* của KN còn là khả năng vận dụng phù hợp các thao tác của KN với mục đích và điều kiện hoạt động. Nó thể hiện ở sự kết hợp trôi chảy và thuần thực các thao tác về trình tự cũng như về số lượng. Ở giai đoạn đầu, SV có nhiều thao tác thừa khi ĐĐ, nói quá chậm, bị ngắt quãng, thiếu dứt khoát, có những trường hợp ĐĐ quá nhanh hay bị vấp thể hiện sự lúng túng... Quá trình luyện tập và củng cố nhiều lần sẽ giúp người học có KN ở mức độ thuần thực, diễn trôi chảy mạch lạc, diễn cảm, súc tích... (hành động đã được khái quát, rút gọn qua quá trình luyện tập).

c) *Tính linh hoạt*. KN không phải là sự vận dụng tri thức và kinh nghiệm một cách "rập khuôn" máy móc mà tri thức và kinh nghiệm đó phải được vận dụng trong những điều kiện tình huống khác nhau của hoạt động: nội dung ĐĐ cần phù hợp với đối tượng; điều chỉnh thời gian và hàm lượng tri thức ra sao; sử dụng cử chỉ, điệu bộ, dáng điệu trong hoàn cảnh nào là phù hợp... thể hiện sự vận dụng mềm dẻo khi ĐĐNN của SV. Muốn có điều này, SV phải luyện tập, sự luyện tập càng đa dạng và kĩ càng thì sau này KN càng mang tính ổn định, vững chắc, cơ động và linh hoạt.

Kết hợp cả 3 đặc điểm nêu trên sẽ giúp chúng ta đánh giá đầy đủ KN ĐĐNN của SVSP cả về mặt định lượng và mặt định tính của KN.

2. Biểu hiện KN ĐĐNN của SVSP

1) KN lập đề cương chi tiết nội dung cần ĐĐ

a) KN chuẩn bị kế hoạch và nội dung cần ĐĐ.

Trước khi thuyết trình nội dung thảo luận nhóm hoặc soạn giáo án tập giảng, SV cần chuẩn bị tâm thế sẵn sàng, tìm hiểu trước về đặc điểm đối tượng người nghe là ai, chuẩn bị về mặt thời gian cũng như sưu tầm các tài liệu liên quan đến nội dung thuyết trình.

b) *KN sắp xếp cân đối nội dung, hình thức và cấu trúc bài thuyết trình với thời lượng hợp lí*. Thông thường, cấu trúc nội dung ĐĐ bao giờ cũng gồm 3 phần: Mở đầu - Nội dung - Kết luận; do đó, SV cần phân chia kiến thức hợp lí giữa 3 phần này thông thường theo tỉ lệ: 20-70-10. Sau khi đã hình dung được cấu trúc bài

thuyết trình, SV cần chuẩn bị các phương tiện trực quan như: tranh ảnh minh họa, thiết kế PowerPoint... đồng thời phải dự phòng các phương án có thể xảy ra.

c) *KN chuẩn bị tâm thế sẵn sàng trước khi ĐĐNN*.

Chuẩn bị tâm thế bình tĩnh, tự tin, sẵn sàng cho hoạt động dù là tập giảng hay thuyết trình báo cáo thảo luận nhóm. SV nên đến sớm kiểm tra các thiết bị hỗ trợ như bảng phấn, máy chiếu, ánh sáng, vị trí trình chiếu, hệ thống âm thanh... Khi tâm thế được chuẩn bị tốt là điều kiện để ĐĐ trôi chảy, thành công.

2) KN tổ chức thực hiện các nội dung ĐĐNN:

a) *KN ĐĐ đúng chuẩn NN phổ thông (chính tả, từ vựng, ngữ âm...)*. Sử dụng đúng NN phổ thông trong ĐĐ, phát âm chính xác không nói ngọng, nói lắp, tiếng lóng hoặc tiếng địa phương. NN ĐĐ của SVSP cũng cần thể hiện sự giản dị, trong sáng và văn minh trong lời nói.

b) *KN ĐĐ lưu loát, rõ ràng và trôi chảy nội dung ĐĐ*. Sự trôi chảy, lưu loát trong ĐĐ thể hiện cả về số lượng tức là ĐĐ từ ngữ nhuần nhuyễn không va vấp, đồng thời còn thể hiện cả về mặt chất lượng: dùng từ chính xác và giàu hình ảnh, dễ nhớ, sự phong phú trong vốn từ, sự logic khoa học trong cách trình bày nội dung, sự lập luận chặt chẽ giữa các luận cứ và luận chứng trong khi ĐĐ. KN ĐĐ lưu loát còn thể hiện việc làm chủ nội dung tri thức, thoát li hoàn toàn tài liệu đã chuẩn bị.

c) *KN sử dụng hợp lí, ngữ điệu (cao độ, trường độ...), âm điệu, nhịp điệu (tốc độ, ngắt quãng...)* khi trình bày vấn đề, trình bày nội dung diễn cảm: - Giọng nói đủ to, rõ ràng, có cao độ vừa phải tránh quá cao hoặc quá trầm. Trong khi ĐĐ, cần lên giọng hoặc nhấn mạnh nội dung hướng sự tập trung chú ý của người nghe, tránh tình trạng giọng nói đều đều, nói nuốt lời, lí nhí thể hiện sự lo lắng, mất bình tĩnh; - Âm điệu phải có độ vang, "tròn vành, rõ chữ" thể hiện qua việc phát âm rõ lời, rõ tiếng; âm lượng đủ to, đủ rõ để người ngồi xa nhất (thường từ 6-8m) cũng có thể nghe thấy, thường xuyên thay đổi âm lượng khi cần thiết, đặc biệt khi dùng micro, cần điều chỉnh micro và giọng nói cho phù hợp; - Nhịp điệu trong ĐĐNN thể hiện sự điều chỉnh tăng tốc độ của lời nói, do đó cần có tốc độ vừa phải (nói khoảng 120 từ/phút), nói lướt qua vấn đề (đôi khi có thể tạm ngừng), nói nhỏ hơn hoặc nghỉ hơi cũng là cách thức gây ấn tượng hoặc đạt mục đích

cần ĐĐ. Việc nói chậm hơn hoặc nhắc lại các ý chính giúp SV nhấn mạnh những điểm trọng tâm cần lưu ý. Cả ngữ điệu và nhịp điệu lời nói phải hợp lí và tương ứng với tốc độ tư duy, tốc độ tiếp nhận tri thức của người nghe.

d) *KN sử dụng NN cơ thể (cử chỉ, dáng điệu, nét mặt, ánh mắt...)* khi ĐĐ. Khi thuyết trình trong thảo luận nhóm hoặc tập giảng cần nhìn thẳng vào người nghe, tư thế tác phong thoải mái tự tin, di chuyển một cách linh hoạt các vị trí trong lớp học. Khi thuyết trình, nét mặt và ánh mắt tự nhiên, thân thiện thể hiện sự tự tin. Đối với SVSP, thái độ khích lệ người nghe đặt câu hỏi là cần thiết.

Bên cạnh đó, một trong những yếu tố đảm bảo thành công trong KN ĐĐNN của SVSP là biết dựa vào "tín hiệu ngược" từ nét mặt, ánh mắt, cử chỉ của người nghe để phát hiện mức độ lĩnh hội tri thức của họ và điều chỉnh nội dung bài thuyết trình cho phù hợp.

3) KN tổ chức thực hiện các hình thức ĐĐ, bao gồm các tiểu KN:

a) *KN sử dụng sơ đồ (Graph), bản đồ tư duy (Mindmap) khi ĐĐNN bằng văn bản.* Cấu trúc hóa tài liệu theo dạng sơ đồ, bản đồ tư duy là thao tác quan trọng trong việc hệ thống hóa kiến thức, điều này không chỉ ý nghĩa cho hoạt động học tập của bản thân SVSP mà còn là nền tảng giúp cho các em bước đầu định hướng cho việc thiết kế bài giảng, lập mối quan hệ hữu cơ giữa những bộ phận kiến thức trong mối liên hệ logic với nhau, làm cho việc lĩnh hội tri thức được nhớ lâu hơn và tái hiện chính xác hơn.

Trong sơ đồ và bản đồ tư duy, cần sử dụng các từ khóa và các hình ảnh then chốt làm phát sinh các mục, nhánh để liên kết các thông tin cần ghi nhớ. Lập bản đồ tư duy là phương pháp quan trọng trong KN ĐĐNN bằng văn bản khi ôn tập, hệ thống hóa tri thức. Khi đã xác định được từ khóa, cần sử dụng màu sắc, kí hiệu và các đường liên kết với nhau và nối các nhánh chính với hình ảnh trung tâm.

b) *KN sử dụng hợp lí, đúng thời điểm các phương tiện kĩ thuật (máy chiếu, hình ảnh, videoclip...)* để hỗ trợ khi thuyết trình. Bên cạnh hình thức ĐĐ bằng NN nói, NN sơ đồ mô hình, trong KN ĐĐNN của SVSP không thể không nhắc đến KN sử dụng các phương tiện công cụ hỗ trợ cho thuyết trình như:

danh mục các hình ảnh minh họa, videoclip, sơ đồ, bảng số liệu minh chứng cho các nội dung cần ĐĐ để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho nội dung. Tuy nhiên, cần sử dụng các phương tiện này nhằm hỗ trợ cho mục đích trình diễn đúng lúc, đúng thời điểm, tránh tình trạng sử dụng quá nhiều gây phân tán sự chú ý của người nghe.

3. KN ĐĐNN của SVSP là tập hợp của rất nhiều KN biểu hiện, trong đó mỗi KN biểu hiện giúp SV có thể thực hiện những nhiệm vụ nhất định. Tuy nhiên, chỉ khi có được tất cả các KN đó SV mới có thể tiến hành hoạt động ĐĐNN một cách có hiệu quả. Các KN ĐĐNN có mối quan hệ biện chứng tác động và chi phối lẫn nhau vừa là điều kiện vừa là kết quả của hoạt động nói trên. Do đó, muốn hình thành và phát triển KN ĐĐNN cho SVSP phải tác động tới tất cả các KN nói trên. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Luyện. *Những bình diện tâm lí ngôn ngữ học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
2. Nguyễn Quý Thanh. "Sự thích ứng với phương thức đào tạo theo tín chỉ tại Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội". *Tạp chí Tâm lí học*, số 6/2008 (111), tr 47-51.
3. Lâm Quang Thiệp. *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ở các học viện, trường đại học, cao đẳng*. Học viện Quản lí giáo dục, 2008.
4. Michelle Zjhra. "Chuyển sang học chế tín chỉ: cần thay đổi chương trình đào tạo và vai trò của giáo viên". *Tạp chí Giáo dục* số 226/2009, tr 51-58 (lược dịch: Phạm Thị Ly).
5. Dương Thị Thoan. *Kĩ năng giảng dạy theo tín chỉ của giáo sinh thực tập sư phạm*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Học viện Khoa học xã hội, 2011.

SUMMARY

Speaking skill play an important role in various fields of studying skills in the university education. Specially, in the credit-based training model, learner's autonomy and creativity are paid a great attention to. This paper presents an overview of speaking skill for teaching students in the university in psychological lessons for students to meet the credit - based training system's requirements and stimulate students' activeness. Skills are gathered pedagogical skills of many expressions in which each expressions skill help students to perform certain tasks. However, there are all skills that students can conduct effectively the speaking skill.